

Số: 163 /BC-SYT

Kiên Giang, ngày 28 tháng 5 năm 2025

BÁO CÁO

**Rà soát thực hiện công tác y tế ước 6 tháng đầu năm
và nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2025.**

UBND TỈNH KIÊN GIANG
SỐ: 1009
ĐẾN Ngày: 28/5/2025
huyện:
tư hồ sơ số:

Phần thứ nhất TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC Y TẾ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu được giao

Thực hiện Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 6/01/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Kiên Giang năm 2025.

Thực hiện Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 14/01/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về điều hành tăng trưởng kinh tế năm 2025.

6 tháng đầu năm 2025, Sở Y tế đã tập trung chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, góp phần thực hiện mục tiêu đảm bảo an sinh xã hội đạt và vượt kế hoạch như sau: (1) Số xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế là 142/143 xã, đạt 99,3% (KH: > 95%), bằng so với cùng kỳ năm 2024; (2) Tỷ lệ Bác sĩ/vạn dân (kể cả bác sĩ tư nhân) là 10,05 (KH: > 10), tăng 0,15% so với cùng kỳ năm 2024; (3) Tỷ lệ giường bệnh/vạn dân là 33,49 (KH: 33,49), tăng 1,25% so với cùng kỳ năm 2024; (4) Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải y tế đạt 100% (kế hoạch giao 100%), bằng so với cùng kỳ năm 2024.

2. Công tác tham mưu, chỉ đạo điều hành

Tham mưu UBND tỉnh các Kế hoạch về phát triển y học cổ truyền trong giai đoạn mới; Chương trình trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, trẻ em tự kỷ và người rối nhiễu tâm trí trên địa bàn tỉnh; Chiến lược Quốc gia về người cao tuổi giai đoạn 2025 - 2035. Ngoài ra còn tham mưu UBND tỉnh phê duyệt các kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm trang thiết bị y tế, thuốc, hóa chất, vật tư tiêu hao...

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 87/NQ-NĐND ngày 31/12/2024 của Hội đồng nhân dân quy định phương án giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc danh mục do Quỹ BHYT thanh toán; giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do NSNN thanh toán; giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc danh mục do Quỹ BHYT thanh toán mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Tổ chức các hoạt động về Văn Nghệ-Thể Thao chào mừng kỷ niệm 70 năm ngày Thầy thuốc Việt Nam (27/2/1955 – 27/2/2025). Khen thưởng 130 tập thể và 597 cá nhân có thành tích xuất sắc¹ trong đợt thi đua đặc biệt chào mừng “Ngành Y tế 70 năm làm theo lời Bác Hồ dạy” và tặng danh hiệu Thầy thuốc ưu tú đối với 10 cá nhân đã có nhiều cống hiến cho ngành Y tế.

Ban hành các Quyết định về giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc; Quyết định phê duyệt bổ sung Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh đối với các cơ sở y tế. Ngoài ra còn ban hành các Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, dự toán mua sắm thuốc, hóa chất xét nghiệm và vật tư y tế cho các cơ sở y tế...

Thực hiện công tác kiểm tra, đánh giá chất lượng bệnh viện, khảo sát hài lòng người bệnh, nhân viên y tế năm 2024 – 2025 tại các Bệnh viện tuyến tỉnh và Trung tâm Y tế 15 huyện, thành phố.

Tiếp tục thực hiện thẩm định, xét công nhận xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế giai đoạn đến năm 2030 của tỉnh Kiên Giang theo Quyết định số 1300/QĐ-BYT.

3. Về tổ chức bộ máy

Sở Y tế đã từng bước thực hiện việc sắp xếp tổ chức bộ máy theo Đề án số 5108-ĐA/BCSD ngày 06/02/2025 của Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh về hoàn thiện việc sắp xếp bộ máy các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Kiên Giang và Kế hoạch số 30/KH-UBND ngày 12/02/2025 của UBND tỉnh triển khai thực hiện chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động do sắp xếp tổ chức bộ máy theo quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Thực hiện Đề án tổ chức lại Sở Y tế, sau khi tiếp nhận chức năng quản lý nhà nước của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. Hệ thống y tế công hiện có 06 phòng chức năng tại Sở² và 172 đơn vị y tế từ tuyến tỉnh đến xã (gồm 14 cơ quan, đơn vị tuyến tỉnh³, 15 Trung tâm Y tế và 143 Trạm Y tế tuyến xã). Ngoài ra toàn tỉnh có 1.114 cơ sở khám chữa bệnh ngoài công lập⁴ (tăng 146 cơ sở so với cùng kỳ) và 1.507 cơ sở kinh doanh Dược⁵ (tăng 108 cơ sở so cùng kỳ).

Trình Sở Nội Vụ 105 trường hợp đào tạo sau đại học (sau khi UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch). Tiếp tục theo dõi các lớp học sau đại học (đang đào tạo)⁶.

¹ Bảng khen Bộ Y tế (8 tập thể, 12 cá nhân); Bảng khen UBND tỉnh (28 TT, 62 CN); Giấy khen (94 TT, 523 cá nhân).

² Theo Quyết định số 442/QĐ-UBND ngày 24/02/2025 của UBND tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Kiên Giang. Sở Y tế đã sắp xếp lại cơ cấu tổ chức các phòng chuyên môn và tương đương thuộc Sở gồm Văn phòng (sáp nhập từ Văn phòng và phòng Tổ chức cán bộ), Phòng Kế hoạch tài chính, Phòng Nghiệp vụ Y, Phòng Nghiệp vụ Dược, Phòng Bảo trợ xã hội, trẻ em và phòng, chống tệ nạn xã hội (mới), Thanh tra Sở.

³ Có 6 BV tuyến tỉnh (BVĐK, BV YDCT, BV Lao Phôi, BV Tâm thần, BV Sản-Nhi, BV Ung Bướu); 5 Trung tâm (TT KSBT; TT Pháp y; TT GD Y Khoa; TT Kiểm nghiệm, TT Bảo trợ XH); Chi cục ATTP, CC Dân số và Trường CD Y tế.

⁴ Gồm BV Bình An, BVĐKQT Vinmec PQ, BV Mắt Nguyễn Hùng, 37 PKĐK tư nhân, 1074 PKCK, các DV khác

⁵ Trong đó: Cty/DN 16 (giảm 4 so cùng kỳ); Nhà thuốc 622 (tại Bệnh viện và TTYT là 9); quầy thuốc 1.303 (tại Bệnh viện và TTYT là 3) và 15 cơ sở bán lẻ thuốc Dược liệu, thuốc cổ truyền.

⁶ Gồm CK I Tâm thần, CK II Dược lý và dược lâm sàng, Thạc sĩ điều dưỡng, CK II Nội khoa. Phối hợp tổ chức các lớp mới về CK I Y học cổ truyền, CK I Y học ĐG, CK I Nội tổng quát, CK I Dược lý và dược lâm sàng, CK II Y học cổ truyền.

Giải quyết 29 trường hợp tình giản biên chế, nghỉ hưu, thôi việc theo quy định (trong đó có 09 trường hợp tình giản biên chế theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP của Chính phủ (06 trường hợp nghỉ hưu trước tuổi, 03 trường hợp thôi việc ngay); 03 trường hợp nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP của Chính phủ; 17 trường hợp thôi việc theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

4. Thực hiện giải quyết thủ tục hành chính

Đến ngày 20/5/2025, tiếp nhận 1.411 hồ sơ về an toàn thực phẩm, dược phẩm, khám chữa bệnh, mỹ phẩm, y tế dự phòng, công tác tổ chức và bảo trợ xã hội (giảm 62 hồ sơ so với cùng kỳ năm 2024), trong đó hồ sơ trực tuyến là 1.186 HS, đạt 84% (KH giao 80%).

- Giải quyết TTHC đúng hạn và trước hạn 1.382 hồ sơ, đạt 98% (KH giao 95%). Dừng xử lý (đã hủy) 25 trường hợp do chưa đủ thủ tục quy định.

- Xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng tại cơ quan đạt 100% KH giao. Thực hiện ký số 95% (KH giao 90%).

5. Công tác thanh tra, kiểm tra.

Đến thời điểm báo cáo, Thanh tra Sở đã tiếp nhận 01 đơn tố cáo không thuộc thẩm quyền (đã hướng dẫn chuyển đơn đúng quy định). Thực hiện kiểm tra tại 34 cơ sở gồm *cơ sở bán lẻ thuốc, SX mỹ phẩm, PK chuyên khoa, dịch vụ răng giả, dịch vụ tiêm chủng, xét nghiệm ..* (giảm 5 cơ sở so cùng kỳ năm 2024). Qua kiểm tra phát hiện vi phạm 7 cơ sở vi phạm việc cung cấp dịch vụ, một số thiếu sót liên quan đến sổ khám bệnh, chữa bệnh, sắp xếp thuốc, hồ sơ, bảng hiệu và xử phạt hành chính với số tiền 85 triệu đồng.

Sở Y tế chỉ đạo tăng cường kiểm tra, giám sát phòng, chống dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, thuốc cổ truyền, thiết bị y tế giả, nhập lậu, không rõ nguồn gốc xuất xứ theo chỉ đạo của Chính phủ, BHYT⁷.

II. CUNG ỨNG DỊCH VỤ

1. Y tế dự phòng.

- *Các bệnh truyền nhiễm*

Giám sát chặt chẽ tình hình dịch bệnh, chủ động triển khai các biện pháp phòng, chống dịch. Tính đến thời điểm báo cáo, toàn tỉnh ghi nhận số bệnh mắc giảm so với cùng kỳ năm 2024 như bệnh Sốt xuất huyết (430/550), Tay chân miệng (425/571), Tiêu chảy (567/746), Thương hàn (4/14), Viêm gan virus

⁷ Công văn số 204/SYT-NVD ngày 22/01/2025 của Sở Y tế về việc tăng cường công tác đấu tranh phòng chống thuốc giả, thuốc không rõ nguồn gốc xuất xứ; cung ứng đủ thuốc cho nhu cầu phòng bệnh, chữa bệnh của nhân dân; Công văn số 1250/SYT-ATTP ngày 05/5/2025 của Sở Y tế về việc khuyến cáo người dân không nên sử dụng 02 sản phẩm thực phẩm bảo vệ sức khỏe nghi là giả; Công văn số 1137/SYT-NVY ngày 21/4/2025 của Sở Y tế về việc tăng cường kiểm tra, giám sát việc kê đơn, sử dụng thuốc và tiêu thụ các sản phẩm không phải là thuốc trong các cơ sở KBCB; Kế hoạch số 98/KH-SYT ngày 21/5/2025 của Sở Y tế về việc Triển khai các nhiệm vụ của Sở Y tế trong thực hiện Công điện số 41/CD TTg ngày 17/4/2025 và Công điện số 55/CD-TTg ngày 02/05/2025 của Thủ tướng Chính phủ liên quan đến xử lý các vụ việc sản xuất, buôn bán thuốc chữa bệnh giả, sửa giả và thực phẩm bảo vệ sức khỏe giả tại Kế hoạch số 614/KH-BYT ngày 13/5/2025 của Bộ Y tế.

(25/75), Ly trực tràng (6/23), Ly Amip (0/4), Đậu mùa khỉ (Mpox) (0/4), Quai bị (01/4)... Các bệnh mắc tăng so với cùng kỳ như Thủy đậu (68/57), Cúm mùa (467/302), Sởi/sốt phát ban nghi sởi (1.530/56)⁸... Các bệnh ghi nhận bằng so với cùng kỳ như Covid-19 (3/3), dại (01/01). Tử vong : 0

- Phòng, chống các bệnh xã hội và bệnh nguy hiểm cho cộng đồng

Đến thời điểm báo cáo: Số trường hợp mắc bệnh phong và sốt rét chưa ghi nhận cas mới. Bệnh Lao mới phát hiện là 1.211 người (giảm 161 người so cùng kỳ năm 2024), lũy kế số bệnh đang quản lý và điều trị là 4.112. Phát hiện mới 10 bệnh nhân mắc bệnh tâm thần (tăng 3 BN so cùng kỳ 2024)⁹.

2. Khám, chữa bệnh và phục hồi chức năng

Đến thời điểm báo cáo, số lượt khám chữa bệnh là 2.103.000 /4.400.000 lượt (đạt 47,79% KH), trong đó điều trị nội trú là 131.360/270.000 BN (đạt 48,65% KH). Công suất sử dụng giường bệnh là 83,2%, Tử vong 0,2%¹⁰. Tỷ lệ khám, chữa bệnh bằng y học cổ truyền hoặc kết hợp YHCT với YHHĐ là 12,7% so với tổng lượt khám chữa bệnh chung (tăng 1,9% so với cùng kỳ năm 2024).

Thực hiện cận lâm sàng như Xét nghiệm 3.392.676 lượt, chụp X.Quang 172.815 lượt, Siêu âm 177.315 lượt, chụp CT 23.344 lượt, chụp MRI 4.751 lượt.

Thường xuyên chỉ đạo các đơn vị trực thuộc phối hợp tham gia cùng với các tổ chức và cá nhân thực hiện khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo trong tỉnh.

3. Về môi trường y tế.

Kiểm tra, giám sát về quản lý chất thải y tế tại 85 cơ sở (tăng 18 cơ sở so cùng kỳ năm 2024). Thực hiện ngoại kiểm đối với các đơn vị cấp nước tại 33 cơ sở (tăng 01 cơ sở so cùng kỳ). Kiểm tra, giám sát vệ sinh môi trường cơ sở sản xuất tại 30 cơ sở (giảm 6 cơ sở so cùng kỳ).

Thực hiện đo quan trắc môi trường lao động tại 47 cơ sở sản xuất trong tỉnh (giảm 01 cơ sở so cùng kỳ). Khám bệnh nghề nghiệp 601 người lao động tại các cơ sở, doanh nghiệp (giảm 121 người so cùng kỳ). Phối hợp kiểm tra 114 cơ sở lao động có nguy cơ phát sinh nhiều yếu tố nguy hiểm, có hại (tăng 7 so cùng kỳ).

4. Về phòng, chống HIV/AIDS.

Thực hiện xét nghiệm HIV cho đối tượng nguy cơ cao 2.042/5.000 người, đạt 40,84% KH (tăng 1.099 so cùng kỳ năm 2024); Số cas có HIV dương tính 169 (giảm 52 cas so với cùng kỳ); Số người điều trị cai nghiện ma túy bằng Methadone là 87 người (giảm 43 người so cùng kỳ); Số bệnh nhân điều trị ARV mới 171 người (giảm 39 BN so với cùng kỳ năm 2024).

⁸ Cao nhất tại Tp Phú Quốc (16 cas dương tính), Giồng Riềng, Kiên Lương, Gò Quao. ...

⁹ Thực hiện trắc nghiệm tâm lý: 2.957 lượt (giảm 1.037 ca so cùng kỳ), đo điện não 1.825 lượt (giảm 95 lượt so cùng kỳ). Lũy kế bệnh đang quản lý 5.198 người (Trong đó: TTPL 2.268, Động kinh 2.925).

¹⁰ So cùng kỳ, số lượt khám bệnh giảm 12.000 lượt, nội trú tăng 2.760 BN; CSSDGB tăng 7%; Tử vong giảm 0,01%.

5. Về An toàn vệ sinh thực phẩm.

Tiếp nhận 180 hồ sơ tự công bố về y tế, nông nghiệp và công thương, đạt 60%KH giao (tăng 20 hồ sơ so cùng kỳ năm 2024). Cấp 280 giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP, đạt 62,2%KH (tăng 15 giấy so cùng kỳ năm 2024).

Toàn tỉnh thực hiện kiểm tra, giám sát 7.200 cơ sở¹¹ (tăng 200 cơ sở so cùng kỳ). Qua kiểm tra xử phạt vi phạm hành chính 9 cơ sở, với số tiền 25.200.000 đồng. So với cùng kỳ, số lần kiểm tra tăng 200 cơ sở, số tiền phạt giảm 16.800.000đ.

Đến thời điểm báo cáo, Bệnh viện tư nhân Bình An ghi nhận 02 trường hợp ngộ độc (do rượu).

6. Về công tác Dân số

Tham mưu UBND tỉnh báo cáo sơ kết thực hiện Chương trình điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng đến năm 2030 và Báo cáo 05 năm thực hiện Chương trình củng cố, phát triển, nâng cao chất lượng dịch vụ KHHGĐ đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Triển khai Kế hoạch số 349/KH-UBND ngày 29/11/2024 về việc tổ chức, phát động phong trào thi đua thực hiện chương trình Dân số và Phát triển giai đoạn 2024 - 2030 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Đồng thời triển khai các Kế hoạch thực hiện Chương trình, Đề án trong năm 2025¹².

Tổ chức tập huấn về cung cấp kiến thức cho 650 em học sinh tại trường THCS, THPT tại các huyện Châu Thành, Hòn Đất, Kiên Hải và Gò Quao trong chăm sóc sức khỏe sinh sản cho vị thành niên, thanh niên trẻ về quan hệ tình dục trước hôn nhân, tác hại của việc có thai và phá thai ngoài ý muốn.

7. Chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em và tiêm chủng mở rộng.

Số trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm miễn dịch đầy đủ 11.317/23.786 trẻ, đạt 47,58% KH (tăng 0,08% so cùng kỳ năm 2024). Phụ nữ có thai được tiêm vắc xin uốn ván 7.741/23.127 người, đạt 33,5%KH (giảm 4,15% so cùng kỳ năm 2024).

Tổng số trẻ sinh ra tại các cơ sở y tế là 9.750 trẻ (giảm 1.616 trẻ so cùng kỳ). Số bà mẹ và trẻ sơ sinh được chăm sóc tuần đầu sau sinh đạt 97,2%.

8. Công tác truyền thông, giáo dục sức khỏe

Tăng cường công tác tuyên truyền, triển khai thực hiện các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng trong lĩnh vực y tế. Thường xuyên tuyên truyền giáo dục sức khỏe về phòng, chống dịch bệnh và các hoạt động chào mừng 70 năm Ngày Thầy thuốc Việt Nam 27/02/2025.

Phối hợp chặt chẽ với Báo Kiên Giang và Đài PTTH thực hiện 5 chuyên mục Vì sức khỏe cộng đồng, 6 chuyên trang Y tế trên Báo Kiên Giang, 16 tin, bài trên sóng phát thanh huyện/thành phố; 7 tin, 33 bài trên Bản tin sức khỏe Kiên Giang. Truyền thanh qua hệ thống loa truyền thanh xã, trạm Y tế 2.312 tin, 24 bài.

¹¹ Kết quả kiểm tra có 6.408 cơ sở đảm bảo ATTP (đạt 89%), 792 cơ sở sai phạm (chiếm 11%).

¹² Gồm: (1) Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; (2) Đề án Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh; (3) Chương trình điều chỉnh mức sinh phù hợp; (4) Chương trình mở rộng, tầm soát một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh.

Duy trì 162 phòng, góc tư vấn sức khỏe, nhân bản 1.362 tài liệu. Tư vấn sức khỏe 42.612 lượt, thăm 6.324 hộ gia đình, thảo luận 352 nhóm.

Ngoài ra còn tuyên truyền về công tác Dân số Phát triển và An toàn thực phẩm trên Đài phát thanh huyện, xã (1.200 lượt), truyền hình (15 buổi), Viết báo 10 bài. Toạ đàm về chuyên đề ATTP 64 buổi (714 người dự). Treo 207 băng rol; Phát 2.757 tờ gấp/tờ rơi và 232 tờ áp phích.

9. Quản lý hành nghề y dược

Tăng cường chỉ đạo sử dụng thuốc an toàn, hợp lý, hiệu quả tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. Chỉ đạo tăng cường kiểm tra, giám sát kê đơn, chỉ định trong khám bệnh, điều trị cho người bệnh. Kịp thời ban hành văn bản đình chỉ lưu hành, thu hồi và tiêu hủy mỹ phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng của Cục Quản lý Dược – Bộ Y tế quy định.

6 tháng đầu năm 2025 đã thẩm định và cấp mới 15 chứng chỉ hành nghề Y, 114 giấy phép hành nghề khám chữa bệnh (giảm 8 CCHN so cùng kỳ năm 2024), 20 giấy phép hoạt động (trong đó thu hồi 5 giấy do cơ sở ngưng hoạt động. Thẩm định và cấp mới 75 CCHN Dược (trong đó thu hồi 20 chứng chỉ do các cá nhân đề nghị (giảm 42 CCHN so cùng kỳ năm 2024), cấp 46 giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh Dược (giảm 15 GCN so cùng kỳ), cấp điều chỉnh 46 giấy, thu hồi 16 giấy do cơ sở dược thông báo ngưng hoạt động kinh doanh.

10. Công tác kiểm nghiệm, giám định y khoa, pháp y

- *Thực hiện kiểm nghiệm chất lượng các mẫu thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm* 455 mẫu/810 KH, đạt 56,2%KH (giảm 17 mẫu so cùng kỳ năm 2024).

- *Thực hiện giám định Y khoa:* 700 trường hợp/827 KH, đạt 84,6%KH (tăng 45 trường hợp so cùng kỳ 2024). Khám chuyên khoa và cận lâm sàng 2.324 lượt.

- *Thực hiện giám định Pháp y:* 385 trường hợp /650KH, đạt 59,23%KH (giảm 85 trường hợp so với cùng kỳ 2024).

11. Công tác Bảo trợ xã hội, trẻ em và phòng, chống tệ nạn xã hội.

- Phối hợp với Bưu điện tỉnh thực hiện chi trả chính sách trợ giúp xã hội cho 58.098 đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP và Nghị định số 76/2024/NĐ-CP với số tiền 272.542.590.000 đ.

- Trung tâm Bảo trợ xã hội quản lý, chăm sóc và nuôi dưỡng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang 269 đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Tổ chức thăm hỏi, tặng quà cho 5.141 trẻ em¹³ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn đặc biệt trong tỉnh nhân dịp tết Nguyên đán Ất Tỵ năm 2025.

- Phối hợp với đội kiểm tra liên ngành tham gia công tác phòng, chống tệ nạn mại dâm tỉnh Kiên Giang năm 2025.

¹³ Trong đó: 5.091 trẻ tại các huyện và tại BV Sản nhi là 50 bệnh nhi với tổng kinh phí 2.674.454.000 đồng (Nguồn ngân sách 634.000.000 đ, Nguồn vận động 2.040.454.000 đ). Ngoài ra còn hỗ trợ Cơ sở bảo trợ XH Mái ấm tình mẹ 3 triệu đ. Ngoài ra còn trao 30 suất quà cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn tại huyện Giang Thành với số tiền 45.000.000 đ.

12. Về đấu thầu, mua sắm thuốc và vật tư y tế.

Triển khai kế hoạch tổ chức đấu thầu mua sắm thuốc tập trung địa phương giai đoạn 2025-2027, Kế hoạch sử dụng thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần và tiền chất năm 2025. Thực hiện các quy trình thẩm định Kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua thuốc tại các bệnh viện tuyến tỉnh.

13. Về công tác đầu tư và quản lý trang thiết bị.

Phối hợp với Đoàn giám sát của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND giám sát Dự án đầu tư xây dựng công trình Bệnh viện Ung bướu quy mô 400 giường.

Phối hợp với Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khảo sát thực tế tình hình Quy hoạch xây dựng BVĐK khu vực tại các huyện, thành phố: Kiên Lương, Vĩnh Thuận, Giồng Riềng và Phú Quốc.

Thực hiện kiểm tra, rà soát tài sản, thiết bị y tế được tài trợ để thực hiện xác lập quyền sở hữu toàn dân và đề xuất điều chuyển tài sản không sử dụng, tránh lãng phí.

14. Công tác tài chính y tế.

Căn cứ quyết định 3297/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh, Sở Y tế tiến hành Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 đến các đơn vị trực thuộc đảm bảo đúng thời gian quy định¹⁴. Tổng số kinh phí chi thường xuyên được giao: 2.369,52 tỷ đồng (trong đó: chi từ ngân sách nhà nước cấp: 890,25 tỷ đồng, trong đó đã bao gồm 39,344 tỷ đồng chi cho các Trung tâm y tế huyện, thành phố thực hiện các chương trình y tế dân số, chi bồi dưỡng hằng tháng cho công tác viên dân số, hỗ trợ y tế ấp,...; chi từ nguồn thu được để lại: 1.479,2 tỷ đồng).

Hoàn thành công tác xét duyệt quyết toán năm 2024 của các đơn vị trực thuộc Sở Y tế đúng hạn. Qua xét duyệt cũng đã kịp thời chỉ ra các thiếu sót trong công tác tài chính kế toán của các đơn vị, để kịp thời khắc phục chấn chỉnh để ngày càng hoàn thiện công tác tài chính kế toán tại các đơn vị sự nghiệp.

Các đơn vị sự nghiệp y tế thực hiện cơ chế tự chủ tài chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021 của Chính phủ, được UBND tỉnh giao quyền tự chủ cho các đơn vị trực thuộc Sở Y tế tại Quyết định số 3143/QĐ-UBND của UBND tỉnh ngày 02/12/2024, thực hiện giai đoạn năm 2024-2025: Hiện tại có 15 đơn vị thực hiện tự chủ tài chính trong đó có 2 đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên¹⁵, đảm bảo 1 phần chi thường xuyên 14 đơn vị¹⁶, 01 đơn vị Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên¹⁷. Việc thực hiện cơ chế tự chủ giúp cho các đơn vị tăng tính chủ động và nâng cao hiệu quả trong việc sử dụng ngân sách, ngày càng

¹⁴ Quyết định số 4975/QĐ-SYT ngày 30/12/2024

¹⁵ Bệnh viện Sản - Nhi và Bệnh viện Y dược cổ truyền

¹⁶ Mức tự bảo đảm chi thường xuyên từ 30% đến dưới 70%, gồm 12 Trung tâm Y tế huyện, thành phố: Phú Quốc; Giồng Riềng; Tân Hiệp; An Minh; Châu Thành; Hà Tiên; Kiên Lương; U Minh Thượng; An Biên; Hòn Đất; Gò Quao, Vĩnh Thuận. Mức tự bảo đảm chi thường xuyên từ 10% đến dưới 30% chi thường xuyên, gồm 02 Trung tâm Y tế huyện, thành phố: thành phố Rạch Giá, Giang Thành

¹⁷ Trung tâm Y tế huyện Kiên Hải

khuyến khích các đơn vị sự nghiệp nâng cao chất lượng chuyên môn, phục vụ tốt hơn cho người bệnh, cải thiện tốt nguồn thu, nâng dần mức độ tự chủ.

III. Nhận xét, đánh giá.

6 tháng đầu năm 2025, các bệnh mắc giảm so với cùng kỳ năm 2024 như Sốt xuất huyết, Tay chân miệng, Tiêu chảy, Thương hàn, Viêm gan virus, Ly trực tràng, Ly Amip, Đậu mùa khỉ (Mpox), Quai bị, HIV/AIDS, phong, lao, sốt rét..., các bệnh mắc tăng so cùng kỳ là Thủy đậu, Cúm mùa, Sởi/sốt phát ban nghi sởi, Tâm thần... Số lượt khám chữa bệnh giảm, tuy nhiên số bệnh nhân điều trị nội trú tăng so với cùng kỳ năm 2024.

Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật trong lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh, quản lý hành nghề y dược, an toàn thực phẩm...

Ngành Y tế đảm bảo thực hiện tốt Quy chế dân chủ tại cơ quan, đơn vị, phát huy quyền làm chủ của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Chống lại các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, phòng, các hình thức quan liêu, tham nhũng, lãng phí.. Nâng cao tinh thần phục vụ nhân dân, trách nhiệm trong công việc, có ý thức tổ chức kỷ luật, đoàn kết.

Một số tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Hệ thống Cyclotron tại Trung tâm Y học hạt nhân và Xạ trị (phần thiết bị Cyclotron 18 MeV) thuộc Bệnh viện Ung bướu và Lò đốt rác Plasma tại huyện Châu Thành vẫn chưa đưa vào hoạt động do còn vướng mắc các thủ tục cần thiết vì nhiều nguyên nhân chủ quan, khách quan nên dự án chưa hoàn thành¹⁸.

Công tác dân số tiếp tục phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức do trẻ sinh giảm so với cùng kỳ, tác động không tốt tới mục tiêu tăng sinh và duy trì mức sinh thay thế trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, chưa có nhiều giải pháp góp phần nâng cao chất lượng dân số, cơ cấu dân số.

Thực hiện sắp xếp, bố trí nhân sự cũng còn một số khó khăn như việc tinh gọn bộ máy đồng nghĩa với việc cắt giảm biên chế và sắp xếp lại đội ngũ nhân sự. Đây là vấn đề nhạy cảm, ảnh hưởng đến công việc, tâm lý và quyền lợi của CCVC. Do điều kiện của một số công chức, viên chức chưa đảm đảm khi bố trí làm việc ở đơn vị mới.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị tại 01 số Trạm y tế đã xuống cấp, chưa đáp ứng đầy đủ với các tiêu chí theo Bộ tiêu chí Quốc gia Y tế xã giai đoạn đến 2030 do Cơ sở vật chất, trang thiết bị đã được đầu tư từ lâu¹⁹.

¹⁸ Chưa bố trí được kinh phí thực hiện cấp phép môi trường đối với lò đốt rác và mời chuyên gia Bì đánh giá lại hiện trạng để lắp đặt, vận hành thiết bị Cyclotron...

¹⁹ Sở Y tế và Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng - Giao thông (trước đây là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành Dân dụng và Công nghiệp tỉnh) đã khảo sát cơ sở hạ tầng, trang thiết bị cần thiết giai đoạn 2021 - 2025 và 2026 - 2030 tại các cơ sở y tế tỉnh Kiên Giang¹⁹; Sở Y tế đã trình Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính) về tổng hợp nhu cầu vốn, lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 của ngành Y tế¹⁹; Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính) tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 30/9/2024 về dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-

Phần thứ hai

NHIỆM VỤ GIẢI PHÁP 6 THÁNG CUỐI NĂM 2025

1. Dự báo tình hình

Trong thời gian tới, tình hình dịch bệnh Covid-19 trên thế giới và khu vực còn diễn biến phức tạp do xuất hiện các biến chủng mới phức tạp. Tình hình biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường ngày càng nghiêm trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe người dân, vì vậy nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người dân ngày càng cao.

Năm 2025, là năm cuối thực hiện Nghị quyết Đại hội XI Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2021-2025. Thực hiện chủ trương thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch bệnh nên tăng cường chỉ đạo, điều hành để tiến tới đảm bảo đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch giai đoạn của ngành y tế.

2. Mục tiêu

Nâng cao sức khỏe cả về thể chất và tinh thần, tầm vóc, tuổi thọ, chất lượng cuộc sống nhân dân trong tỉnh. Giảm tỷ lệ mắc bệnh, tử vong và tàn tật; không để các bệnh truyền nhiễm, các bệnh gây dịch thường gặp và mới nổi, không để dịch lớn xảy ra. Hạn chế, tiến tới kiểm soát các yếu tố nguy cơ của các bệnh không lây nhiễm, các bệnh liên quan đến môi trường, lối sống, hành vi, an toàn vệ sinh thực phẩm, dinh dưỡng, bệnh học đường. Nâng cao chất lượng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và phục hồi chức năng ở tất cả các tuyến; giảm tình trạng quá tải ở các bệnh viện tuyến trên. Tăng cường chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi. Phát triển y tế ngoài công lập, tăng cường phối hợp công-tư. Phát triển y học cổ truyền, kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại. Bảo đảm cung ứng đủ thuốc, vắc xin, sinh phẩm y tế, máu, chế phẩm máu và trang thiết bị y tế có chất lượng với giá cả hợp lý đáp ứng nhu cầu phòng bệnh, chữa bệnh của nhân dân. Quản lý, sử dụng thuốc và trang thiết bị hợp lý, an toàn và hiệu quả.

3. Nhiệm vụ, giải pháp

- Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới và các mục tiêu của Nghị quyết 21-NQ/TW về công tác dân số trong tình hình mới.

- Hoàn thiện Đề án thành lập Sở Y tế An Giang trên cơ sở hợp nhất Sở Y tế Kiên Giang và Sở Y tế An Giang theo Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025, Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025, Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025, Kết luận số 150-KL/TW ngày 14/4/2025. Xây dựng quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo Quyết định số 201/QĐ-TTg ngày 27/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ. Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành Đề án Bệnh viện Đa khoa vùng tỉnh Kiên Giang. Thực hiện tốt

chính sách tiền lương, thu hút nguồn nhân lực y tế, luân chuyển,... đảm bảo đạt số lượng bình quân bác sĩ, dược sĩ, điều dưỡng trên vạn dân theo lộ trình.

- Đẩy mạnh các hoạt động y tế dự phòng, hạn chế tối đa số cas mắc, tử vong và tác hại của dịch bệnh. Tăng cường công tác truyền thông, giáo dục sức khỏe để người dân chủ động thực hiện các biện pháp tự phòng, chống dịch bệnh, đặc biệt dịch bệnh Covid-19. Tăng cường hoạt động an toàn trong tiêm chủng. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia. Kiểm soát tốt các chất thải gây ô nhiễm môi trường; xử lý các chất thải y tế và các chất thải độc hại đúng quy trình. Phối hợp với các ban ngành liên quan để quản lý chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

- Đề xuất chủ trương đầu tư mua sắm bổ sung trang thiết bị nâng cấp hệ thống khám, chữa bệnh phù hợp với nhu cầu khám chữa bệnh. Kết hợp phát triển dịch vụ khám chữa bệnh thông thường với phát triển kỹ thuật cao, y tế chuyên sâu.

- Chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thực hiện các Chương trình, dự án thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia để đạt chỉ tiêu và giải ngân đúng tiến độ quy định.

- Chỉ đạo tiếp tục tăng cường kiểm tra, giám sát phòng, chống dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, thuốc cổ truyền, thiết bị y tế giả, nhập lậu, không rõ nguồn gốc xuất xứ theo chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Y tế.

- Tham mưu UBND tỉnh trình Bộ Y tế Đề án đầu tư phát triển Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kiên Giang đảm bảo chức năng vùng Đồng bằng Sông Cửu Long.

- Tiếp tục triển khai hiệu quả công tác phân bổ và sử dụng ngân sách, đảm bảo chi đúng mục đích, tiết kiệm hiệu quả. Rà soát trình cấp thẩm quyền điều chỉnh kịp thời các khoản chi chưa phù hợp; triển khai thực hiện tốt cơ chế tự chủ tại chính tại các đơn vị sự nghiệp; Hướng dẫn các đơn vị trực thuộc xây dựng dự toán năm 2026 sát thực tế, bám sát các mục tiêu ngành và định hướng phát triển y tế địa phương.

- Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động các nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế phát triển hệ thống y tế, đảm bảo từng bước hiện đại hóa, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người dân trên địa bàn tỉnh.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện công tác y tế 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ giải pháp 6 tháng cuối năm 2025 của Sở Y tế. /.

Nơi nhận:

- VP. Tỉnh ủy, VP. UBND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo TU;
- Sở Tài chính;
- Cục Thống kê tỉnh;
- GD và các PGD SYT, VP ĐU Sở;
- Các CQ, ĐV thuộc, trực thuộc;
- Trang VPĐT;
- Lưu: VT, KHTC "HT".

GIÁM ĐỐC



Hồ Văn Dũng

Biểu: DÂN SỐ - Y TẾ

Số: 163/BC-SYT; 28/05/2025; 12:26:45; +07:00

Số TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện	Năm 2025			So sánh (%)			Ghi chú
			6 tháng năm 2024	Kế hoạch	Ước TH 06 tháng đầu năm	Ước cả năm				
1	2	3	4	5	6	7	8=6/5	9=7/5	10=7/4	
A	Dân số									
1,1	Dân số trung bình :	Người	1.758.848	1.778.047	1.778.047	1.778.047	100,0	100,0	101,1	
	- Dân số thành thị.	"	529.760	532.280	531.286	531.286	99,8	99,8	100,3	
	- Dân số nông thôn.	"	1.229.088	1.245.767	1.246.761	1.246.761	100,1	100,1	101,4	
1,2	Tỷ lệ phát triển dân số.	%	-	1,006	-	1,000		99,4		Thời điểm BC cuối năm
1,3	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên.	‰	-	6,81	-	5,00		73,4		
1,4	Tỷ suất sinh.	‰	-	13,72	-	12,00		87,5		
1,5	Tỷ suất chết thô.	‰	-	6,9	-	7,0		101,3		
1,6	Tỷ số giới tính khi sinh (số bé trai/bé gái).	Bé trai	113	109	107	109	98,2	100,0	96,5	
1,7	Tỷ lệ Sàng lọc trước sinh.	%	32,0	50,0	40,0	50,0	80,0	100,0	156,3	Tổng số PN mang thai (siêu âm thai đo độ mờ da gáy, xét nghiệm double test và tripple test)
1,8	Tỷ lệ Sàng lọc sơ sinh.	%	38,8	70,0	30,0	70,0	42,9	100,0	180,4	Tổng số trẻ em sinh ra
1,9	Tỷ lệ khám sức khỏe người cao tuổi.	%	-	70,0	50,0	70,0	71,4	100,0		
B	Chỉ tiêu KHHGD	Người								
2,1	Số người sử dụng các BPTT mới.	"	81.143	111.000	63.333	111.000	57,1	100,0	136,8	
	Chia ra : Đình sản	"	1	0	2	0			0,0	
	- Trong đó : Nam	"	1	0	2	0			0,0	
	Vòng tránh thai	"	15.844	24.000	16.568	24.000	69,0	100,0	151,5	
	Dùng thuốc viên	"	30.627	36.000	20.648	36.000	57,4	100,0	117,5	
	Dùng thuốc cấy	"	28	120	47	120	39,2	100,0	428,6	

	Dùng thuốc tiêm	"	3.859	7.500	4.038	7.500	53,8	100,0	194,4	
	Bao cao su	"	30.784	42.380	22.030	42.380	52,0	100,0	137,7	
2,2	Tỷ lệ chấp nhận các BPTT (CRP).	%	-	72	-	72,5				Thời điểm BC cuối năm
C	Y tế									
I	Cơ sở y tế		201	206	204	206	99,0	100,0	102,5	
	- Bệnh viện (kể cả BV tư nhân) và Trung tâm Y tế 02 chức năng.	BV	24	24	24	24	100,0	100,0	100,0	
	- Trạm Y tế/Phòng khám ĐK tư nhân	Phòng/ Trạm	177	182	180	182	98,9	100,0	102,8	
	+ Trạm Y tế xã/phường/thị trấn.	phòng	144	143	143	143	100,0	100,0	99,3	
	+ Phòng khám đa khoa tư nhân.	Trạm	33	39	37	39	94,9	100,0	118,2	
II	Giường bệnh	Giường	6.512	6.797	6.797	6.847	100,0	100,7	105,1	
1	Tuyến tỉnh và tuyến huyện	Giường	5.670	5.955	5.955	6.005	100,0	100,8	105,9	
1,1	- Bệnh viện tỉnh.	"	2.770	3.035	3.035	3.085	100,0	101,6	111,4	
	+ BV Đa khoa tỉnh.	"	1.200	1.350	1.350	1.350	100,0	100,0	112,5	
	+ BV Y Dược cổ truyền.	"	350	350	350	350	100,0	100,0	100,0	
	+ BV Lao và bệnh Phổi tỉnh.	"	120	120	120	120	100,0	100,0	100,0	
	+ BV Tâm thần.	"	50	100	100	100	100,0	100,0	200,0	
	+ BV Sản Nhi.	"	400	400	400	400	100,0	100,0	100,0	
	+ BV Ung Bướu.	"	250	300	300	300	100,0	100,0	120,0	
	+ BV Đa khoa tư nhân Bình An.	"	250	250	250	300	100,0	120,0	120,0	
	+ BV Đa khoa QT Vinmec Phú Quốc.	"	150	150	150	150	100,0	100,0	100,0	
	+ BV Mắt Nguyễn Hùng	"	12	15	15	15	100,0	100,0	125,0	
1,2	- Trung tâm Y tế huyện/thành phố.	"	2.900	2.920	2.920	2.920	100,0	100,0	100,7	
2	Tuyến xã (Trạm y tế).	"	842	842	842	842	100,0	100,0	100,0	
	Bình quân giường bệnh/vạn dân (Không tính TYT).	G/VD	32,24	33,49	33,49	33,77	100,0	100,8	104,8	
III	Cán bộ y tế (kể cả tư nhân)									
1	Tổng số:	Người	9.889	10.237	10.075	10.257	98,4	100,2	103,7	
1,1	- Đại học và trên đại học.	"	3.871	4.115	4.062	4.135	98,7	100,5	106,8	
	Trong đó: + Bác sĩ	"	1.742	1.780	1.787	1.800	100,4	101,1	103,3	

	+ Dược sĩ	"	673	760	670	760	88,2	100,0	112,9	
	+ Khác (ĐD, KTV, KT...)	"	1.456	1.575	1.605	1.575	101,9	100,0	108,2	
1,2	- Trung cấp + Cao đẳng các loại.	"	4.668	4.750	4.663	4.750	98,2	100,0	101,8	
	Trong đó: + Y sĩ	"	1.468	1.480	1.463	1.480	98,9	100,0	100,8	
	+ DSTH	"	1.041	1.100	1.041	1.100	94,6	100,0	105,7	
	+ Điều dưỡng	"	1.320	1.250	1.320	1.250	105,6	100,0	94,7	
	+ NHS	"	663	720	663	720	92,1	100,0	108,6	
	+ Cao đẳng y	"	176	200	176	200	88,0	100,0	113,6	
1,3	- Sơ học.	"	35	52	35	52	67,3	100,0	148,6	
1,4	- Cán bộ khác.	"	1.315	1.320	1.315	1.320	99,6	100,0	100,4	
2	Bình quân cán bộ y tế/vạn dân.	CB/VD	56,22	57,57	56,66	57,69	98,4	100,2	102,6	
3	Bình quân bác sĩ/vạn dân.	BS/VD	9,90	10,01	10,05	10,12	100,4	101,1	102,2	
IV	Các chương trình y tế									
1	Khám chữa bệnh									
	- Số lượt người khám bệnh.	Lượt	2.115.000	4.400.000	2.103.000	4.400.000	47,8	100,0	208,0	
	- Số bệnh nhân điều trị nội trú.	Người	128.600	270.000	131.360	270.000	48,7	100,0	210,0	
2	Chương trình kế hoạch hóa gia đình									
	- Số người áp dụng các BPTT mới trong năm.	Người	81.143	111.000	63.333	111.000	57,1	100,0	136,8	
	- Tỷ lệ chấp nhận các BPTT (CRP).	%	-	72	-	72,5				Thời điểm BC cuối năm
3	Chương trình chăm sóc sức khỏe Bà mẹ - Trẻ em									
	Không chế giảm tỷ suất tử vong mẹ /100.000 trẻ đẻ sống.	BM	-	7,50	-	7,50		100,0		
	Không chế giảm tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi / 1.000 trẻ đẻ ra sống.	‰	8,02	9,00	7,85	9,00	87,2	100,0	112,2	
	Không chế giảm tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi / 1.000 trẻ đẻ ra sống.	‰	8,02	11,30	8,48	11,30	75,0	100,0	140,9	
4	Chương trình tiêm chủng mở rộng									
	- Số trẻ < 1 tuổi được TCMD đầy đủ	TE	11.347	23.786	11.317	23.786	47,6	100,0	209,6	
	- Tỷ lệ miễn dịch cơ bản	%	47,50	95,00	47,58	95,00	50,1	100,0	200,0	

	- Tiêm ngừa uốn ván phụ nữ có thai.	Người	10.750	23.127	7.741	23.127	33,5	100,0	215,1	
5	Chương trình dinh dưỡng và Vitamin A									
	Số trẻ 6-36 tháng uống vitamin A.	Trẻ	68.600	65.500	-	65.500		100,0	95,5	Chương trình thực hiện vào cuối tháng 6 hoặc đầu tháng 7
	Tỷ lệ TE dưới 5 tuổi SDD (cân nặng theo tuổi) theo tiêu chí.	%	0,00	8,30	-	8,30		100,0		
6	Chương trình phòng chống sốt rét									
	- Dân số được bảo vệ bằng hóa chất.	Người	0	10.000	0	10.000	0,0	100,0		BYT cung cấp hóa chất
	- Số lượt bệnh nhân khám và điều trị.	Người	0	10	0	10	0,0	100,0		
7	Chương trình phòng chống lao									
	Số huyện triển khai chương trình lao.	Huyện	15	15	15	15	100,0	100,0	100,0	
	Số BN quản lý và điều trị.	Người	4.429	5.963	4.112	5.963	69,0	100,0	134,6	
	Số BN mới phát hiện.	Người	1.372	3.115	1.211	3.115	38,9	100,0	227,0	
8	Chương trình phòng chống HIV/AIDS									
	Số người có nguy cơ cao được xét nghiệm	Người	1.958	5.000	2.042	5.000	40,8	100,0	255,4	
	Số người bị HIV (+).	Người	221	400	169	400	42,3	100,0	181,0	
	Số bệnh nhân được điều trị ARV.	BN	210	400	171	400	42,8	100,0	190,5	
9	Chương trình phòng chống bướu cổ									
	Giám sát muối Iod tại hộ gia đình.	Hộ	450	900	450	900	50,0	100,0	200,0	
	Điều tra KAP bà mẹ.	BM	96	360	96	360	26,7	100,0	375,0	
	Khám, điều trị bướu cổ.	Người	350	800	350	800	43,8	100,0	228,6	
10	Chương trình phòng chống phong									
	Số BN phát hiện mới.	Người	0	4	0	4	0,0	100,0		
	Số BN quản lý và điều trị.	Người	305	288	288	288	100,0	100,0	94,4	
11	Chương trình ATVSTP.									
	Tỷ lệ cas Ngộ độc thực phẩm trong các vụ NĐTP/100.000 dân.	Cas	0	<6	0,11	<6				01 vụ = 2 cas trở lên
12	Chương trình điều trị bằng Methadone									
	Số người được điều trị cai nghiện ma túy bằng Methadone.	Người	130	135	87	135	64,4	100,0	103,8	
13	Tỷ lệ xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế.	%	99,30	95,00	99,30	99,30	104,5	104,5	100,0	TT Dương Đông chưa đạt

14	Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải y tế.	%	100,00	100,00	100,00	100,00	100,0	100,0	100,0	
----	--	---	--------	--------	--------	--------	-------	-------	-------	--

PHIẾU GIẢI QUYẾT VĂN BẢN ĐẾN

Số: 163.1.BC - 841 ngày 28 tháng 5 năm 2025

1. Ý kiến của lãnh đạo cơ quan, tổ chức

- Giao đơn vị, cá nhân chủ trì: P. K.H. - NV
- Giao các đơn vị, cá nhân tham gia phối hợp giải quyết văn bản đến (nếu có);
- Thời hạn giải quyết đối với mỗi đơn vị, cá nhân (nếu có);
- Ngày 28 tháng 05 năm 2025 cho ý kiến phân phối, giải quyết

2. Ý kiến của lãnh đạo Khoa, Phòng

- Giao cho cá nhân; thời hạn giải quyết đối với cá nhân Hồ Hữu Phước

- Ngày, ... tháng, ... năm ... cho ý kiến

3. Ý kiến đề xuất của người giải quyết.

- Ý kiến đề xuất giải quyết văn bản đến của cá nhân;

- Ngày, ... tháng, ... năm ... đề xuất ý kiến